

## HAI BÀ ME

Trần Yên Hồng

Quê ngoại chúng tôi ở thôn Hòa, xã Cấp Tiến, huyện Hưng Nhân (nay là Hưng Hà), tỉnh Thái Bình – miền quê đất chật, người đông, tỉnh nghèo khổ vào loại nhất nhì đồng bằng Bắc Bộ. Ngay từ nhỏ mẹ đã mang trong lòng nỗi đau quê hương nghèo đói, người nông dân lam lũ “một nắng hai sương” mà vẫn không đủ ăn, đủ mặc; nhiều người phải tha phương cầu thực “tay bị, tay gậy” đi ăn xin khắp nơi. Mẹ luôn tự hỏi “Vì sao dân mình khổ thế? Làm thế nào để thoát khỏi đói nghèo?”. Đến năm 16 tuổi, được già Đồi - một đảng viên Cộng sản - tuyên truyền, mẹ nhanh chóng giác ngộ, nhận thức được con đường phải đi để giải phóng quê hương khỏi cảnh lầm than, nghèo đói.

Được tổ chức tin tưởng giao làm giao thông liên lạc - đưa thư từ, tài liệu, canh gác cho cán bộ hội họp..., mẹ luôn hoàn thành nhiệm vụ. Năm 1939, tròn 19 tuổi, mẹ

được già Đồi giới thiệu kết nạp vào hàng ngũ những người Cộng sản. Mẹ tôi cùng đồng chí Chùy xây dựng các gia đình cơ sở (nhà chị Đóa, bà Huyền...) trở thành nơi hội họp bí mật mỗi khi đồng chí Hạ Bá Cang, Lê Thu Trà, Ngô Duy Đông... về địa phương gây dựng phong trào. Vì bị ông bà ép gả cho con một nhà giàu, kém mẹ đến 4-5 tuổi, cốt để hầu hạ nên mẹ đã xin tổ chức cho thoát li. Một đêm tối trời, mẹ lẳng lặng bỏ nhà ra đi. Đến bờ sông Thái Bình mẹ vớt lại chiếc nón, đánh lạc hướng là đã nhảy xuống sông tự vẫn. Gia đình, làng xóm đều tin nên không ai còn tìm kiếm. Cuộc đời cách mạng đầy gian khó bắt đầu...

Trong những năm tháng gian khổ, bà có nhiều kỷ niệm khó quên. Nhất là những ngày chuẩn bị Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Hưng Yên.

...Tháng 5 năm 1945, khi vừa xây dựng gia đình với cha tôi, mẹ được cử về phụ trách phong trào huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Đây là những ngày đầy gian khó nhưng rất hạnh phúc vì mẹ đã có mang tôi – đứa con đầu lòng. Giấc mơ có được đứa con là công dân một nước độc lập sắp thành hiện thực, cứ ấp ủ trong lòng. Cha mẹ tôi rất mừng và hẹn với nhau: nếu sinh con trai sẽ đặt tên là Khởi Nghĩa, còn con gái thì lấy tên Yên Hồng, để kỷ niệm những ngày giành chính quyền về tay nhân dân và cờ hồng tung bay trong nắng Hưng Yên !

Cũng khi đó, giặc lòng sục khắp nơi. Chúng treo thưởng 3.000 quan cho ai chỉ điểm bắt được “con mẹ Tân” (tên



*Bà Hưng rất thạo việc nông.  
(Ảnh tư liệu chụp năm 1964).*

khi về hoạt động ở Hưng Yên) có nước da trắng, răng đen, tóc dài, người thấp đậm ! 3.000 quan lúc đó lớn lắm. Mẹ rất cẩn trọng, thay đổi chỗ ở đến nhiều cơ sở cách mạng, nhất là lại được nhân dân thương yêu che chở. Trong đó có gia đình ông bà Nguyễn Đình Tám - Nguyễn Thị Chách.

Cái thai trong bụng mẹ mỗi ngày một lớn, còn công việc chuẩn bị cho khởi nghĩa thì bộn bề... Thế rồi, giờ G cũng đến ! Lệnh khởi nghĩa ở Hưng Yên được phát ra ngay sau khi Hà Nội đã giành chính quyền. Bụng chứa vượt mặt nhưng mẹ quên đi tất cả. Trước mắt chỉ có một

nhệm vụ: Cướp chính quyền ở Kim Động ! Mẹ mặc áo nâu, quần đen, đeo kính dâm để hoá trang, tay cầm khẩu súng lục dẫn đầu đoàn quân vào cướp phủ huyện. Bà con Kim Động cho đến giờ vẫn nhắc đến “cái chị cán bộ bụng chứa vượt mặt” hăng hái đi đầu, miệng không ngừng hô hào, kêu gọi quần chúng cướp chính quyền.

Những ngày này, mẹ tôi rất mệt mỏi vì ngày sinh tôi đã cận kề. Mẹ lo lắng không hiểu sinh tôi ra sẽ chăm sóc ra sao vì không có một cắc bạc trong tay. Mẹ bàn với cha nên đưa tôi về quê ngoại ở Thái Bình hay gửi ông bà nội ở Ân Thi ? Nhưng quả thật cả ông bà nội lẫn ngoại đều quá nghèo, nhất là ông bà nội còn phải đi gắp phân thuê kiếm sống, làm gì có điều kiện để nuôi cháu. Rồi chính quyền mới về tay, bao nhiêu việc cần sự có mặt của mẹ tôi...?

Trong lúc khó khăn mới thấy tình cảm cách mạng quý báu làm sao ! Đồng chí Học cùng hoạt động với mẹ biết hoàn cảnh ấy đã thay mặt tổ chức bàn gửi hai mẹ con tôi cho chú thím mình là ông bà Nguyễn Đình Tám. Gia đình ông bà Tám là cơ sở cách mạng rất tin cậy. Lúc bấy giờ, ông Tám đang là “sếp” của ga xe lửa Tiền Trung (Hải Dương). Cuối tháng 9 năm 1945, đồng chí Học thu xếp để mẹ tôi về ăn nghỉ ở nhà mình ở thôn Giai Phạm, xã Tinh Tiến, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, ngay sát với đường số Năm. Rồi đồng chí mời chú thím sang thưa chuyện:

- Thưa chú thím, cháu xin giới thiệu chị Tân đây là cán bộ của tỉnh ta, vợ của anh Bình - Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ. Chị sắp đến ngày ở cữ... Chú thím cũng biết

cán bộ cách mạng thì chẳng có gì ngoài hai bàn tay trắng. Nên tổ chức cử cháu về đặt vấn đề với chú thím chăm sóc cho hai mẹ con những ngày đầu mới sinh...

Nghe nói đến đây, hai ông bà mừng ra mặt:

- Quý hóa quá ! Thế thì còn gì bằng vì chúng tôi không có con. Hơn nữa đây cũng là đóng góp cho cách mạng. Chị sang ngay nhà tôi. Mọi chuyện để tôi lo.

Ngay hôm ấy, mẹ chuyển về ở với ông bà Tám. Bà Tám chất phác, là người phụ nữ xởi lởi và tốt bụng. Trước đó, bà đã đón chị Nguyễn Thị Chi (từ lúc mới 4 tuổi) về làm con vì nhà chị đông con, không có điều kiện nuôi nấng. Bà chăm lo cho mẹ từng li từng tí, từ cái ổ rơm để nằm đến bữa cơm, bữa cháo rồi giặt giũ phơi phóng... Mẹ tôi sinh ra ở nông thôn, lại quen làm công tác dân vận nên nhanh chóng trở thành người thân trong gia đình. Hai người đàn bà cứ rủ rừ rì “chị chị, em em”, sắm sửa tã lót cho ngày sinh nở.

Sớm ngày 17 tháng 11 năm ấy, mẹ thấy khó chịu trong người. Bà Tám giục đưa ngay đi nhà thương Bản Yên Nhân. Khoảng 11 giờ trưa hôm ấy - “cái giờ gà nhảy ổ của năm Ất Dậu” (mẹ tôi nói vậy) – mẹ sinh ra tôi. Mệt lắm, trán vã mồ hôi sau cơn vượt cạn, mẹ quay sang nhìn tôi rồi thều thào: “Con gái... Yên Hồng !”.

Tôi chỉ được uống dòng sữa mẹ quăng chực ngày thì có cán bộ ở trên tìm về: “Chính quyền non trẻ có nhiều việc phải làm. Chị có thể thu xếp...?”. Mới nghe mẹ tôi đã trào nước mắt. Chính quyền mới về tay, công việc thì bề

bộ, nay đây mai đó, làm sao có thể mang con theo, mà có mang theo thì lấy gì nuôi con?... Còn không mang con theo thì gửi lại ai bây giờ? Có người mẹ nào mới sinh con được hơn tuần lễ lại đang tâm xa con?... Mẹ tôi trấn trở.

Bà Tám theo dõi câu chuyện từ đầu đã động viên: “Chị Tân ạ, thôi thì cũng vì công việc cách mạng, chị cứ đi đi. Cái Yên Hồng để lại tôi nuôi. Chúng tôi không giàu nhưng cũng có ít tiền nuôi cháu. Đừng lo lắng gì cả! Khi nào có điều kiện thì anh chị về đón cháu”. Mẹ thương tôi quá bé bỏng, chưa quen hơi mẹ đã phải xa. Lòng mẹ đau thắt, nước mắt ướt đẫm. Nhưng những lời hứa hẹn chân tình của bà Tám làm mẹ vững tâm hơn: “Thời thì công tác cách mạng trên hết. Anh chị giúp tôi nuôi cháu và coi nó như con của mình. Tôi có công sinh, còn chị có công dưỡng...”. Mẹ tôi lấy hết nghị lực, gạt nước mắt chấp nhận xa con.

Trước khi xa, biết tôi không thể sống thiếu sữa, nghe tin ở Phù Cừ có chị Gái, mới sinh con nhưng không may cháu mất, mẹ đã hỏi thăm và tìm gặp chị. Thật may vì chị có nhiều sữa. Vậy là mẹ mời chị về giúp. Thấy mẹ tôi hiền lành, chất phác và cũng để vơi đi nỗi buồn mất con, chị Gái đồng ý lên ở với ông bà Tám để nuôi tôi. Có như vậy mẹ mới yên tâm lên đường.

Mẹ cho tôi bú bữa cuối cùng thật no rồi tạm biệt. Ôm tôi trong lòng mà nước mắt rơi lã chã: “Phía trước đang còn bao gian khó! Không biết khi nào mẹ con mới gặp nhau?...”. Mẹ run run trao cái sinh linh bé nhỏ trong bọc tã cho bà Tám rồi nói:

- Trăm sự nhờ anh chị ! Ôn này vợ chồng tôi mãi mãi không quên !

- Chị yên tâm đi làm cách mạng ! - Bà Tám cũng nói trong nước mắt - Cùng là đàn bà con gái, tôi rất hiểu lòng chị. Chúng tôi hứa sẽ chăm sóc cháu chu đáo. Chỉ xin anh chị cho phép Yên Hồng làm... con nuôi vợ chồng tôi !

- Vâng ! Thế thì còn gì hơn !

Kể từ đấy, mẹ con tôi xa nhau... Cũng từ sau đó, mẹ tôi lấy cái tên Hưng, Nguyễn Thị Hưng, để kỷ niệm những ngày hoạt động trên đất Hưng Yên. Những chuyện này, tôi được mẹ kể lại khi đã lớn...

Tôi lớn lên trong sự nuôi dưỡng, giáo dục của ông bà Tám. Tôi gọi ông bà là “cậu mợ”. Đồng chí Học, người giới thiệu mẹ tôi cho ông bà Tám, là con ông Tư - anh trai ông Tám. Vì thế trong họ thì đồng chí Học là vai ông anh. Anh Học chính là anh Trần Sâm, có thời gian làm Phó bí thư Thành ủy Hà Nội rồi Phó chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước.

Trong những năm kháng chiến, tôi theo bố mẹ nuôi tản cư lên Phú Thọ, Thái Nguyên, Tuyên Quang rồi vào Thanh Hóa. Dù bom rơi đạn lạc nhưng tôi luôn được “cậu mợ” che chở, đùm bọc. Năm 1947, khi ông Tám nhập ngũ thì mẹ nuôi tôi thêm vất vả, càng đáng chăm lo cho tôi và chị Chi.

... Xa cha mẹ để thẩm thoát đã 9 năm.

\* \* \*



*Bà Tám và chị Yên Hồng ở Bần Yên Nhân.  
(Ảnh chụp năm 1954 để tặng ông bà Bình  
trước khi Yên Hồng đi học xa).*

Năm 1954, hòa bình lập lại trên quê hương.

Một hôm thấy có một ông cán bộ đánh xe con từ Hà Nội về. Bố mẹ nuôi chạy ra đón khách rồi ríu rít gọi tôi về:

- Hồng ơi... Hồng ơi, cha con về tìm đây này !

Vì đã được “cậu mợ” kể rằng tôi còn có cha mẹ đẻ nên không ngần ngại tôi chạy ngay ra với ông. Tôi còn nhớ như in cánh tay cha giang rộng, run run, ôm tôi vào lòng. Cha lấy tay xoa lên mái tóc tôi rồi lấy gói kẹo thơm mùi



va-ni mua tận Trung Quốc đưa cho tôi. Cha rủ rủ: “Mẹ con nhớ con lắm. Xa nhau cả chục năm rồi. Lần này mẹ bận việc không về được... Ở bên kia con còn năm em trai...”. Mãi sau này mới biết cha tôi đang là Chính ủy Trường Lục quân Việt Nam, đóng quân ở thành phố Quế Lâm. Lần này kết hợp về nước dự Đại hội Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, ông về Bần thăm ông bà Tám và tôi. Sau những câu chuyện rôm rả của chùng ấy năm xa cách, tôi nghe thấy cha nói với cậu mợ tôi:

- Vợ chồng tôi vô cùng biết ơn anh chị đã nuôi cháu Yên Hồng suốt 9 năm qua, để chúng tôi có thể rảnh rang, góp sức nhiều hơn cho cách mạng. Nay cháu đã lớn, phải đi học mới nên người. Vậy xin phép anh chị cho tôi đón cháu...

Nghe cha tôi nói vậy, bố mẹ nuôi lặng người đi với vẻ mặt buồn bã. Mẹ nuôi chạy vào trong buồng, đóng cửa lại, khóc thút thít. Còn ông Tám thì nhòa hai mắt, nắm lấy tay cha tôi:

- Không sinh ra cháu... nhưng chùng ấy năm Yên Hồng sống với chúng tôi... có cơm ăn cơm, có cháo ăn cháo. Nó chẳng khác gì con trong nhà. Nay phải xa nó, chúng tôi... buồn lắm... Thực tình chả muốn xa. Nhưng vì tương lai của cháu... thôi thì anh cứ đưa cháu đi. Khi nào cháu về nước, anh chị cho nó về với chúng tôi !

Rồi hai người đàn ông ôm lấy nhau. Mẹ nuôi lấy khăn lau nước mắt rồi thu xếp quần áo cho tôi mang đi. Sau bữa cơm chia tay, tôi theo cha ra xe. Bố mẹ nuôi ra tận

đường cái tiền tôi. Xe chạy rồi tôi ngoái đầu ra cửa vẫn thấy ông bà Tám đứng ven đường ngẩn ngơ. Tuy được gặp cha đẻ nhưng trong lòng tôi thật buồn bã vì phải xa bố mẹ nuôi. Vậy là lần thứ hai tôi phải xa người mẹ !

Tháng 3 năm 1955, tôi nhập Trường Thiếu nhi Việt Nam.

\* \* \*

Thấm thoát đã 60 năm ! Tôi đã sang tuổi 61, đã nghỉ hưu sau 28 năm đóng góp cho ngành Ngoại thương Việt Nam. Chúng tôi có một gia đình hạnh phúc với hai cháu trai đã trưởng thành cùng một đứa cháu nội.

Cha mẹ đẻ và bố mẹ nuôi của tôi cũng đã thành người thiên cổ. Nhớ lại những năm tháng qua tôi xúc động, không cầm được nước mắt, nhớ thương và biết ơn cha mẹ đẻ và bố mẹ nuôi - những người có công sinh thành và dưỡng dục tôi trở thành người có ích cho xã hội !

Mấy câu ca dao cứ văng mãi trong lòng...

*Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra  
Một lòng thờ mẹ kính cha  
Cho tròn chữ Hiếu mới là đạo con.*

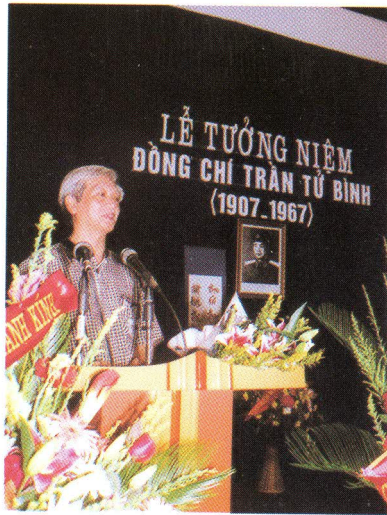
*Tp. Hồ Chí Minh, 1-3-2006.*



*Đến thăm Võ Đại tướng tại Nhà khách T78, tháng 1-2004.  
Đại tướng nhận lời viết bài cho lễ tưởng niệm.*



*Cùng tưởng nhớ đến Thiếu tướng Trần Tử Bình.*



*Tổng thư kí Dương Trung Quốc thay mặt Chủ tịch danh dự Hội Sử học Việt Nam đọc bài “Tưởng nhớ anh Trần Tử Bình” .*



*Toàn cảnh hội trường.*





*Chụp ảnh kỷ niệm sau lễ tưởng niệm.*



*Con cháu về dự đồng đủ.*



*Cùng gia đình các lão đồng chí Lương Khánh Thiện, Chu Văn Tấn, Vũ Lập, Ngô Minh Loan tại lễ tưởng niệm.*



*Ra thăm ông bà sau lễ tưởng niệm.*

## KÝ ỨC VỀ CHA MẸ

Trần Việt Trung

Mỗi người sinh ra trên đời đều do tinh cha huyết mẹ mà hình thành, đều có những ký ức về người sinh ra mình, nhưng không phải ai cũng có thể viết về cha mẹ và không phải bài viết nào cũng được lưu lại theo năm tháng.

Cuốn sách *Trần Tử Bình từ Phú Riêng Đỏ tới mùa Thu Hà Nội*... do anh chị em trong gia đình tôi biên soạn cùng những buổi trò chuyện với các bác, các chú từng công tác với cha mẹ tôi, những bài viết giản dị và trung thực về cha mẹ tôi chính là động lực khích lệ ghi lại những điều tôi được biết về người sinh ra mình, để: gần thì để các cháu trong gia đình biết thêm về ông bà, rộng hơn thì cho bạn bè, học trò tôi biết thêm về những người họ tôn kính và ngưỡng mộ.

### Cha tôi

Có một lần trong buổi dạy về Cổ học, chú Hà Ân nhìn

tôi một thoáng rồi nói:

- Trung có những nét hao hao giống ông già, tính tình cũng có nhiều điểm hấp thụ.

Thế là tôi yêu cầu chú kể về cha tôi mà quên mất mình đang học. Chú Hà Ân có nhiều lần làm việc với cha tôi. Ngoài tư liệu để viết cuốn *Phú Riêng Đổ*, chú biết nhiều về đời tư và từng chặng đường cha tôi trải qua.

Lúc nhỏ cha tôi không chỉ là một cậu bé ngỗ ngược mà luôn luôn tiềm ẩn một ý thức “bất phục” hay “phản kháng” rồi có dịp là bộc lộ ra liền. Khi đang học ở Trường dòng, ông vẫn tham gia tưởng niệm cụ Phan Chu Trinh mặc dù bị cấm. Ông chứng minh với bạn đồng học là nước Thánh không thiêng bằng cách làm bắn nước Thánh để cha làm lễ, rồi muốn được ăn thịt lợn thì cho đổ vào tai lợn để nó lắc đầu, lộng óc mà bỏ ăn; hay muốn thịt chó thì lấy ớt cay trà vào đít chó để chó cứ vừa ngồi vừa đi rồi bảo là điềm gở... Thật tiếc ! Tôi cứ tưởng tượng những đứa con và cháu tôi được nghe chính ông của chúng kể lại các “quái chiêu” này thì chúng phải sướng mê.

Quá trình đi phu và hoạt động ở Phú Riêng đã luyện cho cha tôi thành một con người đột biến. David G.Marr, Tiến sĩ dân tộc học người Úc khi nghiên cứu về quá trình dịch chuyển dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã phải lấy cuốn “Phú Riêng Đổ” làm cứ liệu để khảo sát cho công trình của mình. Đại học Tổng hợp



Ohio (Mỹ) khi nghiên cứu về chính phủ Việt Nam (từ năm 1945) cũng đã dịch cuốn “Phú Riêng Đỏ” sang tiếng Anh và viết ông là “ một trong 15 nhân vật tiêu biểu cần nghiên cứu” để hiểu rõ chính phủ lãnh đạo Việt Nam. Rồi các điều kiện ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương là: chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa yêu nước và phong trào đấu tranh của công nhân, trong đó cuộc đấu tranh của công nhân cao su mà cha tôi là một trong số những người lãnh đạo đã trở thành kinh điển. Dường như cái “địa ngục trần gian” đó đã hun đúc cha tôi từ một thanh niên có khát vọng cá nhân thành một nhân vật góp phần ảnh hưởng tới dân tộc.

Một ông anh rể trong họ của gia đình có hỏi cha tôi: Vì sao khi nổi dậy, bọn chủ đồn điền hoảng sợ phải bỏ chạy, ý nguyện của phu đồn điền đã thành hiện thực, mà ông và tổ chức không củng cố lực lượng, rút vào miền rừng rộng lớn của miền Đông Nam Bộ mà xây dựng căn cứ ?, thì ông cười và trả lời:

- Có tính toán chứ. Cứ nhìn lại cuộc khởi nghĩa của cụ Hoàng Hoa Thám hay các đội cai vì phần uất mà nổi dậy, tạm thời thì đạt được ý đồ, nhưng lâu dài lại thất bại vì chưa gặp thời vận.

Nghĩ về chi tiết đó, tôi hiểu ra một lẽ lớn: cha tôi không hề bị ràng buộc hay lệ thuộc vào vấn đề cá nhân mạnh động. Ông có ý thức cao về tổ chức, về mục tiêu của từng hành động, ông đặt việc đấu tranh và cải thiện chế độ lao động và tiền công của phu đồn điền lên trên hết. Chỉ

cần thoả thuận được với chủ các yêu sách này là hoàn thành nhiệm vụ, còn đối với bản thân phía trước là gông cùm, là tù đày, là cái chết ông sẵn sàng chấp nhận. Ở tuổi 23, cùng chi bộ Đảng lãnh đạo cuộc nổi dậy của 5.000 công nhân, đạt được nhiệm vụ đề ra ban đầu. Cha tôi là như vậy !

Tất nhiên, khi bị biệt giam ở Côn Đảo, với kết luận của cơ quan Phòng Nhì Pháp: “Đây là một thành phần có đầu óc nổi loạn” thì những ngón đòn tra tấn được sàng lọc từ các thuộc địa, từ các thời kỳ lịch sử của bọn cai ngục đã trút xuống thân hình nhỏ bé của cha. Nhiều “món” trong một ngày, nhiều lần trong một ngày, nhiều ngày trong một tháng, và cứ như thế kéo dài hàng tháng. Thật cảm động và cao cả, có lần tấm thân gầy gò của cha tôi phải “nhận” các đòn chuyên nghiệp của mấy thằng cai tù lực lưỡng, Bác Tôn - lúc đó đang bị cầm tù, nhìn thấy - đã nằm đè lên người cha tôi để chịu đòn thay. Hình như đó là sự khác biệt rất lớn giữa những người tù cộng sản với các tù nhân khác. Tôi cũng biết ở đời nhiều người khi thân thiết hoặc tri kỷ với nhau có thể chia ngọt xẻ bùi, nhưng “chịu thay đòn tù” thì đây là lần đầu tôi biết.

Có một tình tiết tôi được nghe từ một cán bộ cũ của Bảo tàng Cách mạng: Theo hồi tưởng của một cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng bị tù ở Côn Đảo thì trong tù, việc tra dồi lý luận giữa các đảng viên Cộng sản được thực hiện theo sự phân công, để khi bất kỳ đảng viên nào được ra tù (hoặc vượt ngục) là đã được trang bị thêm



*Gia đình đồng chí Trần Tử Bình và Hà Thị Quế  
cùng ba anh em Phan Văn Bản, Phan Văn,  
Phan Lang tại Ninh Bình năm 1962.*

kiến thức cho giai đoạn hoạt động tiếp theo. Phần lý luận không gặp nhiều khó khăn vì các nguyên lý và phạm trù được truyền đạt tương đối thống nhất, phần kinh nghiệm hoạt động và tổ chức thì khá thuận lợi vì các đảng viên bị đày ở Côn Đảo hầu hết đều thuộc diện “nguy hiểm”, tức là có cương vị nhất định từ các miền đất nước. Riêng về vấn đề kinh tế thì quả là hóc búa. Thế là đảng viên nào từng làm thợ, hoạt động ở công xưởng, đồn điền... đều phải tham gia. Với vốn thực tiễn ở đồn điền cao su, cha tôi đã đóng góp vào “bài giảng kinh tế” bằng kiến

thức về các chế độ lương bổng, hình thức tổ chức, cách thức điều hành một đồn điền nông nghiệp. Ở thời điểm cách mạng này, chủ yếu các đảng viên nắm vững cách thức tổ chức đấu tranh chống lại giới chủ để thu hút lực lượng theo cách mạng. Rất tiếc những tư liệu này không còn lưu giữ !

Một hòn đảo giữa đại dương mênh mông ấy luôn thôi thúc cha tôi tìm cách vượt ngục, nhưng không một kế hoạch nào thực hiện được. Rất có thể giai đoạn tù Côn Đảo là quãng thời gian tập hợp thêm những hình thức vượt ngục, cộng với ý chí mãnh liệt sau này, ông đã tổ chức thành công cuộc vượt ngục lịch sử tại Hỏa Lò, Hà Nội vào tháng 3 năm 1945.

Có một lần tôi cùng chú Vũ Thơ, chú Lê Đông về xã Sơn Lai, Nho Quan, Ninh Bình mừng địa phương đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang. Khi đến đoạn rẽ vào Trường Yên, chú Vũ Thơ quay sang chú Lê Đông, hỏi:

- Ông có nhớ hồi 1943, tụi mình, anh nào đi qua đây cùng phải cảnh giác và đã chuẩn bị sẵn tinh thần bị bắt không ?

Rồi ông giải thích:

- Đây là khu vực các con đường đều đi qua. Lúc đó, trong hàng ngũ có kẻ phản bội mà chưa bị phát hiện. Cha cháu là thượng cấp đã bị bắt. Trong trại giam ông mật báo ra cho các chú phải hết sức thận trọng, thay đổi toàn bộ địa điểm liên lạc. Đề phòng trường hợp xấu nhất

sẽ bị bắt nên phải chuẩn bị trước những lời khai khi bị tra tấn và hỏi cung. Đòn tù rất tàn bạo nên khó mà chịu mãi được, chỉ được phép nhận khai sau vài ngày bị đánh. Nhưng lời khai đã chuẩn bị phải thuộc trong lòng, rất chặt chẽ, không để ảnh hưởng đến cơ sở, tổ chức. Đó là kinh nghiệm xương máu và sự từng trải của cha cháu qua nhà tù, đó là bài học cho các chú trên con đường cách mạng đầy chông gai.

Cảnh thiên nhiên đi vào Nho Quan thật là hùng vĩ mà thơ mộng, sơn thủy phân minh mà uẩn xúc, sông núi tuy do trời đất tạo ra mà lại hữu tình vì nó hàm chứa tất cả những diễn biến của lịch sử từ triều đại vua Đinh với những dấu ấn của thành cổ, cho đến ngôi miếu cổ uy nghi là biểu tượng của một thiếu nữ đã được thần thoại hoá, hay dòng Hoàng Giang mềm mại phẳng lặng như một dải lụa sáng nhưng chứa đựng những ngày tháng quật cường sôi sục của Quận he Nguyễn Hữu Cầu... Thế “Bát lý quần Hà”<sup>1</sup> tuyệt đẹp theo con mắt Kham dư.

- Phía trước mặt là bãi Đính - Chú Vũ Thơ nói tiếp làm tâm trí tôi thoát ra khỏi tưởng tượng miên man - Trên đó có chùa Đính rất thiêng, hàng năm có lễ hội vào mùa xuân, dân các nơi về đông lắm. Năm 1941-1942, phong trào ở đây đi xuống do bọn Pháp và tay sai đàn áp, lòng sục rất gắt gao. Cha cháu quyết định: “Trong những lúc khó khăn như thế này mình phải làm một “sự kiện” để

---

<sup>1</sup> Tám con cá chép vây lấy con tôm ở giữa.

dân biết là chúng ta vẫn luôn ở bên họ!”. Rồi cha cháu chọn thời gian chùa Đính vào chính hội để diễn thuyết. Các chú rất lo lắng vì làm thế quá mạo hiểm. Nhưng cha cháu đã giải thích để các chú yên tâm: “Mình phải tỉnh táo. Thứ nhất, ở đây chưa bao giờ tổ chức diễn thuyết nên bọn nó chưa có chuẩn bị trước. Thứ hai, chúng ta đang hoạt động bí mật, nên làm một việc công khai ở chỗ đông người là một đòn bất ngờ. Thứ ba, nếu có bọn chỉ điểm thì chỉ là số ít mà dân thì đông, mình lại chuẩn bị trước; nếu thằng nào lộ mặt là mình “xử lý” luôn. Mình cũng là dân cơ mà”.

Theo lời chú Thơ kể, kế hoạch được lập ra. Đội tự vệ của chú Thơ có vài chục người được chuẩn bị sẵn ốt bột, vôi bột. Đúng ngày lễ, mọi người đến chùa Đính, rải khắp từ chân núi lên đến chùa. Không có thằng lính đồng nào! Nhằm lúc dân tình đồn lại đông quanh chùa, cha tôi mặc nhanh chiếc áo mới vào, bước đến trước cửa chùa, bắt đầu diễn thuyết. Ông nói nhanh về niềm tự hào con Lạc cháu Hồng, về các triều đại anh hùng của dân tộc, ông hỏi vì sao dân Nam phải khổ mà cứ chịu đựng mãi, ông kêu gọi mọi người có dịp là vùng lên thì mới thoát khỏi đói nghèo, thì mới xứng đáng với ông cha... Cuộc diễn thuyết kéo dài chừng năm, bảy phút. Tự vệ vây quanh thêm thành hai vòng. Diễn thuyết xong, cha tôi bước xuống, cởi nhanh chiếc áo rồi hoà vào dòng người. Dân chúng nhốn nháo, ồn ào về sự việc bất ngờ vừa diễn ra. Trên đường xuống, có bà cụ già vừa đi vừa nói: “Hôm nay vua Đính hiện về,

khuôn mặt tươi tắn, thân thái uy nghi. Lâu lắm Ngài mới lại trở về. Chắc có điềm lành ?”.

Trong thời kì hoạt động bí mật, cha tôi mang nhiều bí danh khác nhau. Nghề mang nhiều bí danh nhất là nghề y như Ký Tiêm, Lang Minh, Lang Khói. Ông đi chữa bệnh cho dân để dễ bề hoạt động. Tuy không giỏi và không được học bài bản, nhưng có lẽ mảnh đất Bình Lục quê tôi vốn nổi tiếng với nghề bán thuốc gánh đến tận các thôn xóm cùng với khí chất nhanh ý thông minh vốn có đã tạo thêm cho ông phương tiện trong quá trình hoạt động.

Một dấu mốc lịch sử mà nhiều thế hệ trước rồi đến thế hệ của cha tôi và cả những người thuộc thế hệ sau đã nằm xuống đều vươn tới bằng ý chí, tinh thần và thể xác, đó là sự thành công của Cách mạng tháng Tám, nền độc lập thực sự của một dân tộc thoát khỏi ách nô lệ. Được sống trong không khí của những ngày cách mạng đã là *niềm vinh dự*, được thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong hàng loạt công tác giành chính quyền là *niềm tự hào*, và cha tôi - một trong những người nhận sứ mệnh cao cả ra quyết định lịch sử, biến quyết định đó thành bước ngoặt vĩ đại của cả dân tộc, để ngày 2 tháng 9 năm 1945, một hình thái Nhà nước mới của dân tộc Việt Nam ra đời. Như Nhà Sử học Dương Trung Quốc từng nói: “Sự kiện lịch sử đòi hỏi phải có nhân vật lịch sử cùng với những nhân chứng lịch sử.”

Một sớm chủ nhật đầu tháng 12 năm 2004, tôi được tiếp chú Nguyễn Văn Bông - một cán bộ Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn, một đảng viên được cha tôi kết nạp,

người “thờ sống” cha tôi vì coi cha tôi là người sinh ra chú lần thứ hai khi ông tham gia công tác “sửa sai”. Chú vui vẻ mở tờ báo *Quân đội Nhân dân*, nói:

- Số báo ra ngày 28 tháng 11 có bài viết về các đội tự vệ vũ trang, nhân kỷ niệm 60 năm thành lập Quân đội. Mở đầu bài báo nói về lực lượng vũ trang đầu tiên ở Nam Kỳ do ông Trần Tử Bình tổ chức, đó là Xích vệ đội. Đây chính là nòng cốt đưa cuộc nổi dậy của 5.000 công nhân cao su đến thắng lợi. Đọc xong chú vui quá. Đêm qua nằm mơ thấy được gặp Tướng Bình...

Cùng với những hoạt động xây dựng cơ sở cách mạng, cha tôi luôn luôn xây dựng những tổ chức tự vệ, thành lập những chiến khu quân sự như Ngọc Trạo, Quỳnh Lưu, Hòa - Ninh - Thanh, chuẩn bị lực lượng vũ trang giành chính quyền. Rồi ngay sau khi vừa giành được chính quyền, ông lại nhận nhiệm vụ xây dựng trường đào tạo quân sự đầu tiên, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ. Chiến dịch Sông Lô (thu đông năm 1947) gắn liền với tên tuổi của hai vị tướng Lê Thiết Hùng và Trần Tử Bình. Năm 1948, cha tôi được Bác Hồ ký quyết định phong tặng quân hàm Thiếu tướng, ông là một trong 11 vị tướng đầu tiên của Việt Nam. Khi nói về cha tôi, chú Trần Độ thường dùng cụm từ “Ông Bình là một tướng trận” !

Cha tôi từng giữ trọng trách Phó tổng Thanh tra rồi Tổng Thanh tra quân đội kiêm Phó tổng Thanh tra Chính phủ. Vụ phá án H122 rồi vụ xử án Đại tá Trần Dụ Châu...



gắn liền với lịch sử của Quân đội Nhân dân Việt Nam, đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Các chú khi đến chơi vẫn gọi đùa cha tôi là Bao Công.

Xin được ghi lại một kỷ niệm nhỏ giữa bác Nguyễn Lương Bằng và cha tôi - hai “ông thanh tra”. Vào một ngày nghỉ năm 1957, hai ông rủ nhau ra “chợ giời” Hà Nội mua bàn ghế, giường tủ cho gia đình. Trong nhiều năm tiết kiệm đồng lương của mình, cha tôi có một khoản tiền đủ mua hai chiếc giường, hai chiếc tủ, hai bộ bàn ghế. Nhưng đặc biệt ở chỗ đều là đồ đặc đã dùng rồi. Bác Bằng cũng mua như vậy. Hai ông đứng đầu cơ quan Thanh tra nhà nước sống liêm khiết như thế đó !

Năm 1958, theo sự thống nhất của hai nước, cha tôi sang Trung Quốc làm Đại sứ. Cái tên Việt Trung của tôi là dấu mốc của giai đoạn này. Lúc này tuổi đã ngoài 50, công việc ngoại giao rất bận rộn, rất ít khi về nước, sống độc thân nên cha đã viết thư cho mẹ tôi muốn đưa một đứa con sang sống bên cạnh cho vui. Anh chị tôi lúc đó đang là học sinh phổ thông, vậy là mẹ tôi gửi tôi - đứa con thứ tám, út ít, chưa đi học - sang với cha.

Tôi vẫn nhớ như in cảnh Sứ quán Việt Nam, nơi cha tôi gắn bó 8 năm cuối đời. Ngoài toà nhà chính làm việc là dãy nhà cao tầng cho cán bộ cùng hai biệt thự phía sau. Ở giữa là hai vườn nhỏ, vườn cây, dọc bên trái là vườn đào, phía sau còn có một vườn rau. Một hôm cha đi vắng, chú Phú (cần vụ của cha) bắt tôi học chữ nhưng để một mình trong phòng rồi khoá cửa lại. Không

biết chữ thì làm sao mà tự học được, nhất là tiếng Việt có cả nguyên âm và phụ âm ghép (!). Thế là tôi tìm cách trốn ra ngoài. Cửa khoá, tôi phải mở cửa sổ trèo ra. Rất may căn phòng ở tầng trệt nên chỉ lần theo tường một đoạn là tôi nhảy xuống đất. Cả ngày tôi không về mà ra vườn rau của ông Lý Hoa nhổ vài củ cà rốt rồi chui vào vườn nho ăn. Chiều tối, cha tôi về nhưng không thấy con đâu. Chú Phú tất tưởi đi tìm cả khu tập thể mà không thấy. Bằng trực giác, cha như cảm nhận được nơi tôi đang ẩn. Ông vừa đi vừa gọi quanh khu vườn: “Tám ơi, về nhà với cha!”. Cho đến lúc chạng vạng tối, chờ cho ông đến gần tôi mới chui ra. Nhìn thấy bóng tôi, ông lao đến ôm vào lòng. Ông không nói gì. Còn tôi cảm thấy có những giọt nước âm ỉ chảy dài trên má. Về đến phòng, ông gọi chú Phú lên và nói tôi kể lại đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong, ông nói với chú:

- Chị gửi cu Tám sang đây để anh có một đứa ở cùng cho đỡ buồn. Chú bắt cháu học là đúng nhưng học mà không dạy thì có học được không? Nó sợ bỏ trốn cả ngày không ăn uống gì. Chú xem chú làm như vậy anh có hài lòng không?

Chú Phú im lặng, có phần sợ. Hình như cha mẹ nào cũng vậy, khi quá sót thương con mình dễ mất bình tĩnh và hơi “thiên vị” chăng? Tôi vẫn nhớ, đêm đó cha chăm chút cho tôi hơn mọi khi, nhưng ánh mắt ông buồn buồn. Nửa đêm tôi mê ngủ và tè dầm, cha phải lục tục dậy thay đệm và quần cho tôi, miệng lầm bầm:

- Con tôi cả ngày sợ quá nên ngủ mê đây.

Rồi tôi ngủ thiếp đi không biết giấc ngủ có trở lại với cha không. Sáng hôm sau, trước khi đi làm, cha nói với tôi:

- Tuần sau con sẽ đi mẫu giáo với trẻ con Trung Quốc chứ không ở nhà nữa, cuối tuần cha đón về.

Từ khi lọt lòng mẹ, tôi không có cha bên cạnh. Lên 3 tuổi tôi đi Trại Nhi đồng miền Bắc, cuối tuần anh Chiến hay anh Lợi đạp xe xuống đón về, được chơi một ngày ở nhà. Bây giờ được sang Bắc Kinh lại không được sống gần cha mà phải đi mẫu giáo cả tuần. Hình như số phận của tôi là như vậy, được sống với cha quá ít !

Đầu năm 1967, cha về Việt Nam gấp để họp Trung ương. Lúc này, ba anh em bé nhất nhà đang sơ tán ở Hà Đông. Chiều thứ bảy, tôi ra xe điện về Hà Nội. Cha đang ở nhà, thấy tôi về gọi tôi lên gác và cho nằm bên cạnh. Gần hai năm rồi mới được nằm bên cha, tôi có cảm giác vừa thích vừa sợ. Nhưng đó lại là lần cuối cùng tôi được gần cha. Đúng chiều hôm đó, cha bị cảm, đi cấp cứu. Rồi sau đó một tuần, cha ra đi mãi mãi.

### Mẹ tôi

Là một thiếu nữ con ông đồ dạy chữ Nho vào buổi “Thi khoa cử đã hết, chữ thánh hiền còn dư”, lại tươi tắn, da trắng, răng đen mà các cụ gọi là “mỏng mày hay hạt”, mẹ tôi bị ông ngoại nhận lời gả cho một nhà có của đôi chút cần thêm người làm.

Nghe mẹ kể người đó kém mẹ 4 - 5 tuổi, nên mẹ bỏ ra ở chùa làng, rồi được giác ngộ cách mạng và thoát ly.

- Mẹ tham gia cách mạng năm 1936, trở thành đảng viên Cộng sản năm 1939 (khi đó mới 19 tuổi). Thoát ly hoạt động cách mạng tức là rời bỏ gia đình, sống ở địa phương khác, mang tên khác, tự lao động hay ở với một gia đình nào đó để dễ bề hoạt động. Tuy ở với gia đình cơ sở nhưng mẹ tôi quan niệm là họ cứu mạng mình nên rất biết ơn. Địa bàn hoạt động của bà là Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình và Thái Bình.

Một lần đi công tác, tôi dừng ở bến phà Tân Đệ và nhớ lại câu chuyện mẹ kể khi mật thám bắt hụt. Đường từ Nam Định sang Thái Bình “độc đạo”, phải qua bến phà Tân Đệ. Giải treo 3.000 đồng bạc Đông Dương cho ai chỉ và bắt được người phụ nữ tên là Tân (lúc này mẹ tôi là Ủy viên Ban Cán sự tỉnh Hà Nam). Bà đã bị mật báo trước về tuyến đường và thời gian di chuyển, bẫy đã cài sẵn chỉ chờ đối tượng lọt vào là sập. Bến phà Tân Đệ không rộng, hai bên đường xuống phà có vài hàng quán bán nước, đằng sau dọc đê là các bãi ngô, mía trồng theo mùa. Khi đến gần phà Tân Đệ, mẹ tôi rất cảnh giác. Hôm đó bà cải dạng làm người đi buôn thúng hàng vặt, đầu đội nón, tay cắp thúng, mắt bôi ít pho-mát giả toét. Khi đến bến phà, quan sát nhanh thấy dăm người ăn mặc khác với nhân viên nhà phà, mắt nhìn lơ láo vào đám người đang chờ phà, mẹ tôi sinh nghi. Bà quyết định sẽ không xuống phà. Nhưng rút đi phải thật khéo, nếu

không sẽ bị phát hiện ngay. Bà ngồi xuống cạnh một bà bán quán nước, hỏi chuyện vui vẻ như đã quen nhau lâu lắm. Rồi bà nói xin đi tiểu nhờ. Máy tay chỉ điểm nhìn người mới đến, tai nghe câu được câu chăng nên không để ý. Khi khuất ra sau nhà, mẹ tôi lách nhanh qua rặng dâm bụt làm rào, lủi vào ruộng ngô hướng về phía lũy tre xa. Phà cập bến, người xe lên hết đến lượt người xuống. Bọn chỉ điểm nhìn kỹ từng mặt người xuống phà. Người xuống thưa dần mà không thấy bà Tân đâu. Khi sực nhớ tên chỉ điểm vội chạy lên hỏi bà bán nước thì mẹ tôi đã đi xa.

Suốt những năm tháng hoạt động bí mật, khi thì tổ chức họp kín, lúc thì đến vùng mới xây dựng cơ sở, thành lập chi bộ, bị đuổi bắt vài lần, bị mật báo cũng không ít, thế mà mẹ tôi không bị bắt lần nào. Hình như công cùm, trại giam vẫn còn kiêng nể mẹ hoặc sự miễn cảm bẩm sinh đã giúp mẹ thoát khỏi những nguy hiểm cận kề.

Mẹ tôi gặp cha tôi năm 1941 ở Ninh Bình. Câu nói “Chị Tân, tôi với chị kết hợp nhé !” của cha tôi là lời khai sinh cho gia đình tôi sau này. Dù cho sự chia cách, tù đày, nguy hiểm đến với cha mẹ tôi cũng không ngăn cản được kết quả tất yếu của lời “cầu hôn” này.

Tháng 5 năm 1945, mẹ tôi về Hưng Yên, trực tiếp lãnh đạo cướp kho thóc của Nhật ở Đống Long, Kim Động. Trong tình hình chết đói quá nhiều, sự kiện phá kho thóc Nhật thể hiện sức mãnh liệt và sự sẵn sàng của nhân dân.

Phong trào đã được đẩy lên một bước thành cao trào, mẹ tôi như một thủ lĩnh với nhiều huyền thoại.

Mẹ tôi sinh được tám anh chị em, nhưng nếu mà trọn vẹn thì là mười ! Chị cả so với tôi - em út - cách nhau 15 tuổi. Năm 1967, khi cha tôi mất, mẹ mất ngủ liền 6 tháng, phần vì thương tiếc cha, phần vì lo cho đàn con đông lại đúng thời buổi chiến tranh. Đến năm 1968, Bác sĩ Tôn Thất Tùng khám và nói: mẹ tôi bị u ác tính ở ngực. Tiên liệu cho chuyện xấu nhất có thể xảy, mẹ đã gặp các đồng chí trong Ban Tổ chức Trung ương, bạn bè cùng hoạt động cách mạng để bàn giao lại những đứa con yêu thương. Rồi mẹ sang Bắc Kinh chữa bệnh, căn bệnh được xác định là nan y.

Tôi còn nhớ một hôm vào giữa năm 1969, Vụ Tổ chức - Cán bộ (Bộ Ngoại thương) gọi chúng tôi lên, cho may quần áo mới và nói sang gặp Bắc Kinh để gặp mẹ. Thế là với đất Bắc Kinh, tôi lại có duyên - lần đầu sang gặp cha, lần sau sang gặp mẹ. Mừng thật nhưng cũng rất lo vì đoán bệnh tình mẹ đã nặng. Lúc chúng tôi vào Bệnh viện Hữu Nghị, mẹ không hề hay biết. Cửa vừa mở ra, thấy lũ con ùa vào mà mẹ ngồi lặng đi bên bàn nước và nghĩ mình đang nằm mơ. Sau khi nhận ra đó là thực tại thì mẹ vui lắm, nhưng không hiểu tại sao lại có sự việc như “mơ” này. Hay là bệnh tình đã đến giai đoạn cuối ?

Cuối năm 1973, sau khi sức khỏe đã ổn định, mẹ về nước làm việc, giữ cương vị Trưởng ban Thanh tra Bộ Ngoại thương. Mẹ đề nghị tổ chức và lãnh đạo bộ cho



*Bà Hưng gặp lại ông Võ Nguyên Giáp trong buổi họp mặt cán bộ hoạt động ở Bắc Thái thời kháng Pháp.  
(Ảnh chụp tại Hà Nội ngày 19-8-1990).*

làm việc ở một đơn vị yếu kém nhất để vực lên trước khi nghỉ hưu. Mẹ được chỉ định làm Bí thư Đảng ủy Công ty Mây tre xuất khẩu Barotex. Năm 1975, khi đất nước thống nhất, sau khi tổ chức lại công ty và đề bạt một loạt cán bộ trẻ, mẹ tôi vào miền Nam, xuống các tỉnh để khôi phục nghề mây tre. Tết thống nhất đầu tiên (1976), mẹ không ăn Tết ở nhà mà lăn lộn với các cơ sở sản xuất địa phương ở miền Nam, với quyết tâm xuất khẩu được hàng mây tre. Nghị lực, ý chí và sự gương mẫu của mẹ đã được bù đắp xứng đáng: Công ty Barotex trở thành đơn vị xuất sắc trong ngành và được thưởng bằng hoa của Chủ tịch

Tôn Đức Thắng vì thành tích xuất khẩu. Như vậy đề đạt của mẹ tôi đã được trọn vẹn. Mẹ gặp Ban Tổ chức Trung ương xin được nghỉ hưu trong niềm vui của một người Cộng sản hoàn thành nhiệm vụ trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

Là con người yêu lao động, quen làm việc, mẹ bảo tôi đan chuồng thỏ để mấy mẹ con chăn nuôi, vừa lao động cho khoẻ mạnh, vừa tăng gia có thịt ăn, lại vừa bán được để có thu nhập. Những lúc thỏ chuẩn bị đẻ, hai mẹ con tôi dọn ổ, thắp đèn và cố đoán xem lần này được bao nhiêu con. Những ngày gia đình tụ họp liên hoan thường có món thịt thỏ của mẹ. Rồi chúng tôi xây chuồng để mẹ nuôi lợn. Nghĩ lại mà không thể quên hình ảnh phải “nông thôn hóa thủ đô” khi hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn - rất vui vẻ khi lợn chóng lớn, lo lắng đến mất ngủ khi lợn bỏ ăn lẫn ra ốm, đó là tâm trạng của “nông dân đường nhựa”. Cũng có người khi thấy bà nhặt rau ở đầu phố không khỏi xót xa và khuyên đừng làm vì là vợ một ông tướng và lại là cán bộ lão thành(!). Nhưng mẹ nói: mình yêu lao động và phải tự lo kinh tế thời buổi khó khăn, điều đó có gì là xấu! Bà nhặt nhanh từng mẩu cành khô, quét quáy lá rụng đem phơi khô để dành đun cám lợn. Nhớ cái đêm anh Ngân xin được cặp lợn bột giống của anh Đồng (người chỉ huy dựng cột truyền hình Tam Đảo) về, mẹ vẫn thức chờ. Ngắm nhìn cặp lợn giống hồng hào, mơn mớn mẹ sung sướng nói: “Mẹ nuôi mát tay lắm. Cặp lợn này sẽ chóng lớn”. Thật buồn cười mỗi khi nhớ lại lúc mẹ chuẩn bị bán lợn, lợn



được ăn bữa cuối cùng thật ngon và thật no, lại được uống nước đường cho “mát ruột” ! Thế mà mấy “lão đồ tể”, trước khi trói lợn cứ xua cho con vật - nặng cỡ một tạ, lồng lên từ góc chuồng này tới góc chuồng kia, để nó thải ra tối đa những gì không giữ được trong thân xác ! Rồi lúc đứng cân, bọn tôi đưa thì nhìn mặt cân cho tở, đưa vừa đứng gánh vừa theo dõi xem những người lái có dùng chân đẩy đất lợn lên cho nhẹ cân không !

Chúng tôi, từng người một đều dần trưởng thành. Tám anh chị em lần lượt tốt nghiệp đại học và có gia đình riêng, nhưng vẫn cùng nhau chia sẻ mái ấm 99 Trần Hưng Đạo. Gánh nặng trên vai mẹ cũng từng năm vơi đi. Những lúc nhìn tôi và anh Nghị luyện võ giao đấu ngoài sân, mẹ tôi rất thích thú. Hình như bà nhìn thấy “gien” của những đứa con được thừa hưởng từ cha là một ông tướng và từ mẹ là một nữ thủ lĩnh đi đầu phong trào khởi nghĩa. Lại có lúc mẹ nhìn tôi viết chữ Nho, nghe tôi đọc “Tam tự Kinh” mà hồi tưởng lại thuở ấu thơ chỉ được đứng ngoài cửa liếp nghe ông ngoại giảng về kinh sách, chứ không được ngồi vào chiếu học, vì “con gái học chữ chỉ để viết thư cho giai !”.

Ôi, cuộc sống của gia đình tôi có rất nhiều kỉ niệm qua từng thời kỳ, với mỗi thành viên ký ức riêng có thể khác nhau nhưng về cha mẹ thì đều chung một lòng tôn kính, tự hào.

Năm đứa cháu trai của gia đình lần lượt ra đời. Chúng là thế hệ thứ ba của gia đình và là sức mạnh của một



*Bà Hưng cùng con cháu 20 năm sau ngày ông mất.  
Họp mặt gia đình cuối tháng 10-1986.*

dòng họ, tôi tin như thế. Nhưng quan trọng hơn, đó là niềm vui của mẹ tôi, một điều mà mẹ sẽ không có nếu như cha tôi không vượt qua được những năm tháng tù đày, mẹ không may mắn thoát khỏi căn bệnh viêm màng não thập tử nhất sinh, hay căn bệnh nan y - u ác tính. Cho đến khi đứa con gái đầu lòng của tôi chào đời là mẹ tôi đã có đủ cháu nội, cháu ngoại, cháu trai, cháu gái.

Cha tôi nói với mẹ trong việc hướng nghiệp cho con cái, rằng: “Con trai thời chiến phải đi bộ đội, thời bình phải làm kinh tế” và mẹ đã theo đúng như vậy, kể cả khi cha còn sống và khi đã đi xa. Đối với bà, ông là một người chồng, một người anh, một thượng cấp và là một người thầy.

## Thay lời kết

Một dịp vào năm 1983, tôi đến luyện võ với anh Võ Hồng Nam, con út bác Võ Nguyên Giáp. Khi biết tôi là con út của cha Trần Tử Bình, bác Giáp nói:

- Cha cháu có nhiều đóng góp cho quân đội, là một tướng đầu tiên cùng đánh trận với bác, làm thanh tra quân đội nữa...

Vị tướng già mắt nhìn xa xăm, nhớ lại một người đồng chí cũ, một nhân vật không thể quên trong số hàng trăm người đã làm việc với ông trong mấy cuộc chiến. Còn cô Hà, vợ bác, thì nói vui:

- Cha mẹ cháu sinh con nhiều - đứng đầu Trung ương, mà dạy con thì gương mẫu trong Trung ương. Các cô các chú vẫn nhắc đến điều này để làm gương học tập.

Khi còn sống, theo mẹ kể lại, cha tôi nói với mẹ: “Cuộc sống vợ chồng, vì nhiệm vụ cách mạng, thời gian anh ở với em quá ít. Sau này khi chết, mình phải chôn một lỗ!”. Trộm nghĩ, những nhận xét trên xin dành cho cha mẹ tôi, ước muốn trên sau bao năm đã thành hiện thực.

Anh chị em chúng tôi đang sống đúng với điều cha mẹ dạy dỗ: sống có ích, trung thực, rộng rãi, chân thành và tự trọng. Bản thân tôi dường như đang làm tiếp những điều cha tôi yêu thích là võ thuật, y thuật và kinh tế.

Được như vậy, cha mẹ tôi thật sự toại nguyện với những mơ ước của cuộc đời: dân tộc được giải phóng, gia đình con cháu được sống hạnh phúc.

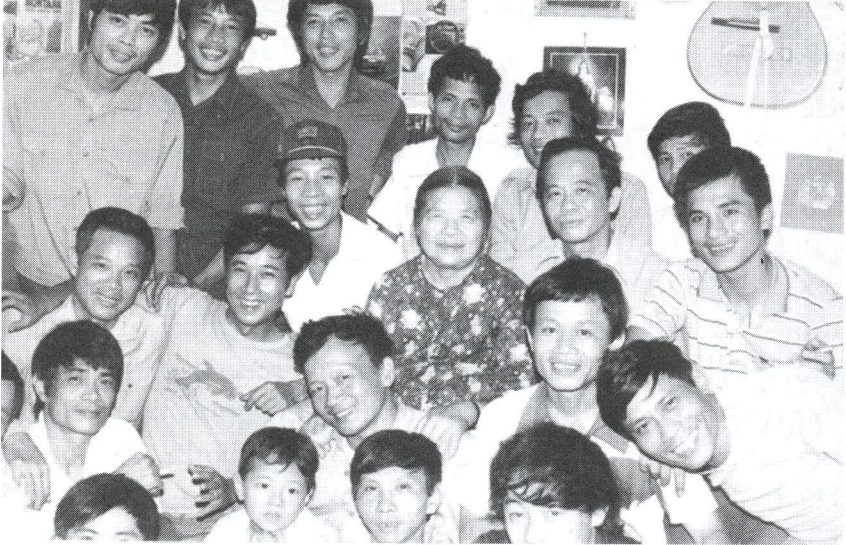
## NHÀ SỐ 99

Nhà báo Hữu Việt

Nằm ở quãng cuối phố Trần Hưng Đạo. Biệt thự xây từ thời Pháp. Bước qua cổng sắt gặp một tán khế xanh đang sà xuống. Trong sân có thêm cây trứng gà. Một bà lão phúc hậu thường ngồi sưởi nắng. Tên bà là Nguyễn Thị Hưng, phu nhân Lão tướng quân Trần Tử Bình...

Trên tàu từ Matxcova sang Varsava. Ngẫu nhiên đồng hành cùng đội “du kích đường sắt” (cách nói vui chỉ những người Việt Nam đi buôn bán đường dài tuyến Nga - Ba Lan và ngược lại) có một trung niên người thấp đậm, vui tính cực kỳ. Những bài hát, những câu thơ, câu chuyện tiếu lâm của anh khiến đường bớt xa và làm vợi nỗi tha hương của những trí thức Việt Nam khi ấy - thừa tự hào và tự trọng nhưng lại thiếu tiền. Tên anh là Trần Kiến Quốc, nhà ở Hà Nội, số 99 phố Trần Hưng Đạo...

Trong căn hộ nhỏ ở Varsava, hai võ sư đang quần nhau bằng những đường võ vô cùng nhu nhuyễn, tinh



*Nhà số 99 luôn là nơi quy tụ bạn bè của con cái. Bà Hưng cùng con, cháu trong một buổi họp mặt gia đình, tháng 10-1986.*

xảo và đẹp mắt. Họ giành giệt từng “xăng-ti-met” khoảng cách, tiến lui không ngoan nhượng, nhưng thủy chung không vượt ra ngoài phạm vi một vuông chiếu. Bạn hãy thử hình dung, vào một buổi sáng tĩnh lặng, yên bình, bên ngoài lá cây xanh mướt, chỉ nghe thấy tiếng quyền phần phật, bám đuối nhau như bóng với hình, hẳn sẽ hút mắt hút hồn bạn ? Một người là anh - Trần Hữu Nghị, vừa từ Nga sang; một người là em - Trần Việt Trung, mới từ Hà Nội đến. Hai người đều là em của Trần Kiến Quốc...

\* \* \*

Ký ức như những thước phim quay chậm, không theo thứ tự thời gian, lần lượt hiện lên trong đầu khi tôi nhận lời viết vài hồi ức nhỏ tham gia vào một cuốn sách lớn “*Trần Tử Bình – Từ Phú Riềng Đỏ đến mùa Thu Hà Nội*”.

Tôi thuộc lớp hậu sinh. Ngày ông Trần Tử Bình và các đồng chí của ông cùng nhân dân Hà Nội đứng lên làm cuộc cách mạng kinh thiên động địa, từ đây khai sinh một Nước Việt Nam mới thì tôi chưa ra đời. Khi tôi đến tuổi để chỏm thì ông đã ra đi. Gần 30 năm sau, trong một lần mưu sinh xa Tổ quốc tôi có duyên quen biết và gắn bó với các con trai ông là các anh Quốc, Nghị, Trung. Về Hà Nội, tôi thường xuyên qua lại ngôi nhà số 99 Trần Hưng Đạo để học hỏi và luyện tập. Vì thế nên mới được gặp bà Nguyễn Thị Hưng.

Đến bây giờ tôi vẫn nhớ hình ảnh bà Hưng ngồi ngoài sân, lưng thẳng, tay tì lên cây gậy, miệng bồm bẻm nhai trầu. Bà ít nói, khi nói thường nói chậm, giọng của người già, trầm và nhỏ. Tôi nhớ có lần mấy anh em tập võ cạnh cái bể nước, cười đùa rất to. Bỗng nghe thấy một tiếng gọi nhỏ, nhưng uy nghiêm: “Này,” và một cánh tay khoan thai vẫy lại gần: “Tập thì tốt, nhưng nói nhỏ thôi, bà mệt.”. Hóa ra từ trên gác bà đã xuống đây tự lúc nào, ngồi quan sát chúng tôi. (Về sau tôi mới biết, ở tuổi già, bà đang phải vật lộn với bệnh tim và huyết áp). Xem thêm một lúc nữa, bà đứng dậy, chậm rãi đi ra cổng. Khi quay lại, trên tay bà cầm mấy chùm bánh gai: “Này - bà gọi - các cháu ăn đi, ngon lắm, bà cho.”. Chị Minh, vợ anh

Trung, biết chuyện, bảo: “Tính bà thương người. Ra đường thấy người nghèo, nhất là những người từ nông thôn đi bán quà quê, bà thường mua giúp. Bánh gai bà hay mua lắm, đặc sản quê bà mà”.

\* \* \*

Tháng 4 năm 1945, dẫn đầu đoàn quân phá kho thóc Nhật chia cho dân nghèo ở Đống Long (Kim Động, Hưng Yên) là một phụ nữ trẻ. Tên chị là Nguyễn Thị Úc, phụ trách Mặt trận Việt Minh huyện Kim Động. Ngày 19 tháng 8 năm 1945, ông Trần Tử Bình (khi ấy là Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ) đã cùng các đồng chí của mình lãnh đạo thành công cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền ở Hà Nội. Biết được tin này, chị Úc đã cùng Ủy ban Quân sự cách mạng Kim Động lãnh đạo nhân dân nổi dậy cướp chính quyền huyện lỵ. Tiếp sau đó chị tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh. Chị Úc chính là bà Nguyễn Thị Hưng. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, bà đã lấy bí danh “Hưng” để kỷ niệm những ngày hoạt động ở tỉnh Hưng Yên.

Trong giai đoạn cách mạng ấy, có lẽ hiếm thấy những cặp “đồng chí chồng, đồng chí vợ” như ông bà Trần Tử Bình - Nguyễn Thị Hưng. Ông bà không chỉ là những người đồng chí chung lý tưởng mà còn trực tiếp lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa, chồng Hà Nội – vợ Hưng Yên. Cuộc đời của ông bà gắn liền với những sự kiện quan trọng của một giai đoạn cách mạng hào hùng nhất trong lịch sử dân tộc. Ông trở thành một trong mười một vị tướng đầu tiên

của Quân đội Nhân dân Việt Nam; bà là người phụ nữ vừa làm tròn bổn phận người vợ, người mẹ lại vừa có những đóng góp xuất sắc cho cách mạng. Ông bà sinh được 8 người con - 6 trai và 2 gái. Khi ông mất (năm 1967), bà đã thay ông gánh vác việc nuôi dạy các con khôn lớn, trưởng thành trong giai đoạn đất nước còn chiến tranh, rồi tới những ngày tháng khó khăn khi đất nước gần như kiệt quệ về kinh tế ở giai đoạn trước Đổi mới.

Ngạn ngữ Nga có câu: “Gần mặt trời thì sáng, gần mẹ hiền thì ấm”. Còn nhà văn Mac-xim Gor-ki viết trong *Những mẩu chuyện nước Ý*: “Không có mặt trời thì hoa không nở, không có tình yêu thì không có hạnh phúc, không có đàn bà thì không có tình yêu, không có Người Mẹ thì cả nhà thơ, cả anh hùng đều không có !”.

Nếu trên thế gian này có từ nào đẹp nhất thì đó chính là từ *Mẹ*. Người mẹ nhân từ và nghiêm khắc, dịu dàng và can đảm, bao dung và sâu sắc, thu lại như giọt nước, mở ra thành biển rộng trời cao, cứu mang, bao bọc những đứa con trước những bất trắc cuộc đời, truyền cho chúng nghị lực, lòng tự hào và kiêu hãnh làm người.

Anh Nghị kể lại: ngày còn bao cấp, đi học ở Nga về anh đóng được thùng hàng thập cẩm các loại hàng hóa tiêu dùng cùng với sách vở theo tiêu chuẩn. Bà Hưng hỏi đây có phải hàng “buôn lậu” không. Nếu đúng thì bà không cho đem vào nhà. Bà sẽ báo công an. Cả nhà phải giải thích mãi, bà mới nghe ra sau một hồi căn vặn. Câu chuyện tuy nhỏ nhưng thể hiện



nhân cách của người cán bộ ngày xưa, chân thật nhưng luôn có thái độ kiên quyết với cái xấu trong bất cứ hoàn cảnh nào. Dù cuộc sống có khó khăn đến mấy thì tiền bạc và của cải cũng không thể làm lay chuyển được bản chất con người. Đó cũng là tư tưởng nhất quán của bà trong việc giáo dục các con. Tám người con của ông bà trải qua hai cuộc chiến tranh, vượt qua những thời kỳ khó khăn của đất nước, bây giờ đều đã trưởng thành và thành đạt.

Anh Nghị có một người con gái nhỏ, tên gọi yêu trong nhà là *Bồ Nông*. Cháu ít nói, hay tha thẩn chơi một mình, gương mặt có nét thuần hậu, chân thật, ngây thơ. Mọi người nhận xét: “Trông giống bà nội thế!”. Thói quen của người cầm bút khiến tôi thử hình dung về “nhân vật” của mình thời thiếu nữ. Đó hẳn là một cô gái nông thôn thuần phác, hiền lành, có sức khỏe và đầy nghị lực. Như bao phụ nữ Việt Nam thời bấy giờ, bà đến với cách mạng một cách tự nhiên và trong sáng, cống hiến tuổi thanh xuân của mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Là người vợ, bà đã quán xuyến tốt việc nhà để chồng - một cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước - yên tâm công tác. Bà đã đi trọn cuộc đời cách mạng của mình.

\* \* \*

Công việc làm báo cho tôi điều kiện được đọc, tìm hiểu khá nhiều tư liệu, biên tập một số bài viết về ông Trần Tử Bình.

Trong phòng khách ngôi nhà số 99 Trần Hưng Đạo có treo bức ảnh ông mặc quân phục, đeo quân hàm cấp tướng. Ông là nhân vật lịch sử mà tôi rất kính trọng cho dù không có may mắn được tiếp kiến. Nhưng ở một góc độ nào đó, tôi đã được “gặp” ông qua bà Hưng và các anh, các chị Yên Hồng, Kháng Chiến, Thắng Lợi, Kiến Quốc, Thành Công, Hữu Nghị, Hạnh Phúc, Việt Trung - những người con của ông.

Viết về ngôi nhà số 99 Trần Hưng Đạo và những người thân của ông mà mình đã từng gặp gỡ ở đó, âu cũng là một cách hình dung của lớp hậu sinh về các bậc cách mạng tiền bối. Và để vững tin làm tiếp những việc thế hệ trước để lại, theo cách của mình và phù hợp với thời đại mình đang sống.

*Hà Nội, tháng 8-2006*

## TÌNH NGHĨA

Trần Việt Trung

### Làng Vạn Phúc, Hà Đông

Ngày 5 tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh, dùng không quân ném bom miền Bắc. Để bảo đảm an toàn cho nhân dân Hà Nội, Hải Phòng và các thành phố, thị xã... cơ quan, trường học, xí nghiệp phải sơ tán về nông thôn. Vào những năm đó, cha tôi đang công tác tại Trung Quốc, chị Yên Hồng sơ tán theo Đại học Ngoại thương, anh Kháng Chiến đi bộ đội. Mẹ tôi vừa lo chỉ đạo cơ quan, xí nghiệp sơ tán để bảo đảm sản xuất phục vụ xuất khẩu, vừa lo gánh nặng gia đình nên rất vất vả.

Cha mẹ tôi vốn có quan hệ gắn bó với các gia đình cơ sở đã cứu mang mình trong suốt thời kỳ hoạt động bí mật; trong số đó có gia đình ông bà Tư Thủy - một cơ sở cách mạng tin cậy của Trung ương, của Xứ ủy tại làng Vạn Phúc, thị xã Hà Đông. Một ngày đầu hè năm 1965,

cha mẹ đưa anh Nghị, chị Phúc và tôi vào Vạn Phúc thăm gia đình bác Tư Thủy. Năm đó hai bác đã nghỉ hưu. Thắng (con trai bác) mới hơn mười tuổi, còn tôi vừa lên sáu. Cả nhà mừng rỡ khi cha mẹ tôi đến chơi. Bác trai chạy ra nắm lấy tay cha tôi, lắc lắc mừng rỡ:

- Anh chị lại chơi. Quý hóa quá !

Vào đến bên trong, ngồi xuống tràng kỷ, cha tôi mới chậm rãi nói với hai bác:

- Chúng tôi có một việc muốn xin ý kiến anh chị. Tôi thì bận công tác, xa nhà quanh năm, còn nhà tôi vừa bận việc cơ quan vừa phải lo cho các cháu. Thời chiến mà, vất vả quá. Nay muốn gửi các cháu sơ tán về nhà anh chị. Không biết có làm phiền anh chị không ?

- Được thế thì quý lắm ! - Bác Tư Thủy vui vẻ đáp – Vậy là cu Thắng nhà tôi có thêm bạn, thêm vui cửa vui nhà.

Cha tôi nói:

- Thời kỳ bí mật anh chị đã nuôi tôi, nay để giúp chúng tôi bớt khó khăn, anh chị lại nhận nuôi con. Đối với chúng tôi ân nghĩa này lớn lắm !

Dù còn nhỏ nhưng qua cha mẹ, chúng tôi hiểu được làng Vạn Phúc cùng những gia đình cơ sở cách mạng chính là nơi sơ tán an toàn cho mấy anh chị em. Cha mẹ tôi hoàn toàn tin tưởng trao cho họ sinh mạng của những đứa trẻ do mình dứt ruột đẻ ra. Sau lần gặp gỡ đó, ba đưa chúng tôi tạm xa Hà Nội, vào sơ tán tại Vạn Phúc. Tôi còn nhớ mãi trước khi đi cha dặn: “Bác Tư Thủy hơn cha hai

tuổi, vậy là vai bác trong nhà. Các con phải nghe lời bác, cố gắng học giỏi, giữ gìn sức khỏe để cha mẹ yên tâm công tác !”.

Vạn Phúc là ngôi làng điển hình về tổ chức xã hội và cảnh quan kiến trúc của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Giữa làng có ngôi đình uy nghi với mái đình cong vút. Đây là nơi tụ họp dân làng vào các dịp lễ hội. Trước sân đình có giếng làng, miệng rộng hàng chục mét, được xây bằng gạch Bát Tràng, quanh năm đầy nước. Đường làng phủ bóng bàng, được lát gạch dài thêm sau mỗi đám cưới của trai gái trong làng. Cạnh nhà bác Tư là khu vườn rộng của ngôi miếu cổ thờ Thần hoàng làng Vạn Phúc. Trước kia khu vườn này um tùm, ít người dám qua lại nên được dùng làm nơi hội họp thời kì bí mật. Tại đây có hàng chục cây muỗm cổ thụ, cao to, tán phủ mát cả khu vườn. Vào mùa muỗm trên cành trĩu quả, lại đúng ngày trời nổi cơn giông, chúng tôi hay chầu chực chờ muỗm rụng. Có lần tôi đổ máu mũi vì lao vào tranh nhặt muỗm rụng với trẻ con trong làng. Dòng sông Nhuệ trong xanh chảy qua sau làng. Vào những đêm trăng, nhớ nhà, mấy anh em thường ra bờ sông, ngóng nhìn về quãng sáng Hà Nội.

Giữa Hà Nội và Hà Đông có tuyến tàu điện xây dựng từ thời Pháp thuộc. Ba đứa chúng tôi đôi khi từ làng Vạn Phúc đi bộ ra bến xe điện, nhảy tàu về Hà Nội thăm mẹ. Có lần đột ngột mất điện, xe điện phải dừng không xa bến, chúng tôi quyết định đi bộ từ Hà Đông về nhà. Con đường dài dưới nắng trưa hè không ngăn cản được ý chí

của lũ trẻ. Chuyển đi ấy đã thử thách lòng dũng cảm và chúng tôi đã chiến thắng chính mình.

### Bố mẹ nuôi

Sống ở Vạn Phúc, anh em tôi được bà con yêu thương. Trong nhà bác Tư Thủy, chúng tôi được coi như con như cháu, có cơm ăn cơm có cháo ăn cháo. Chỉ sau ít ngày sống ở đây, tôi đã nhận hai bác là bố mẹ nuôi... Viết đến đây, kí ức thơ ấu bỗng trỗi dậy, từng hình ảnh được tái hiện theo thời gian. “Sự kiện” tôi làm con nuôi và tôi có “bố mẹ nuôi” có nguồn cơn của nó.

Vào một chiều mùa đông cuối năm 1965, khi mặt trời sắp khuất sau dãy núi Ba Vì xa xa, ngồi ở góc bếp bác Tư gái đang gạt những ngọn rơm cho gọn sau khi đã trở xong nồi cơm. Tôi, một cậu bé mới lên sáu, lách vào ngồi ngay sau lưng bác rồi rụt rè cất giọng:

- Cháu có... có một chuyện muốn... muốn thưa với bác.
- Cháu cứ nói đi ! - Bác quay lại nhìn tôi rồi đáp.

Tôi ấp a ấp úng, cảm thấy rất khó dùng lời để diễn đạt: “... Trước đây hai bác đã nuôi cha cháu thời kì bí mật. Nay hai bác lại nuôi chúng cháu thời kì sơ tán...”. Nói đến đây tôi lại dùng lời làm bác Tư gái chăm chăm nhìn tôi mà không hiểu tôi muốn nói gì ?

- Cháu muốn gọi hai bác là... bố mẹ nuôi. - Tôi vội vàng nói cụt lủn rồi im lặng.

Bác Tư gái lặng đi một lúc rồi đứng lên. Bước ra cửa